FireAnt

CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu (HSX: PSH)

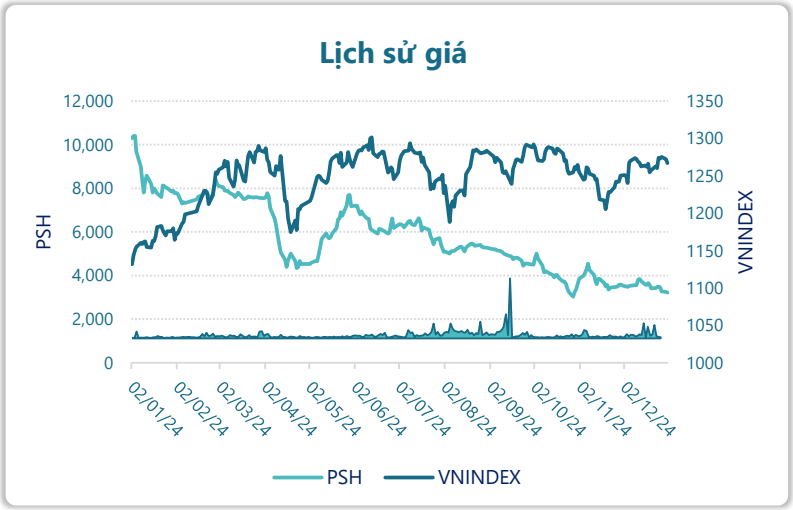

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**3,220**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,030
SL cổ phiếu LH	126,169,780
KLGD BQ 20 phiên (CP)	429,395
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	406
P/E	-0.5
EPS	-6,106

DT thuần

Q4/24

59.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼34.1| -36.4%

YoY: ▼674| -91.9%

LN sau thuế

Q4/24

-234

tỷ VNĐ

QoQ: ▼51.0| -27.6%

YoY: ▼13.0| -5.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

-115%

+/- YoY: ▼ 123%

DT thuần

2024

678

tỷ VNĐ

YoY: ▼5,421| -88.9%

LN sau thuế

2024

-790

tỷ VNĐ

YoY: ▼837| -1768%

ROE

2024

-64.4%

+/- YoY: ▼ 67.6%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

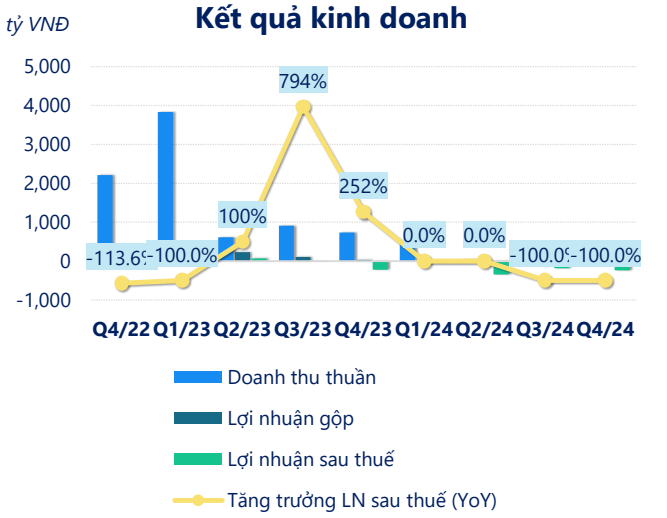

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

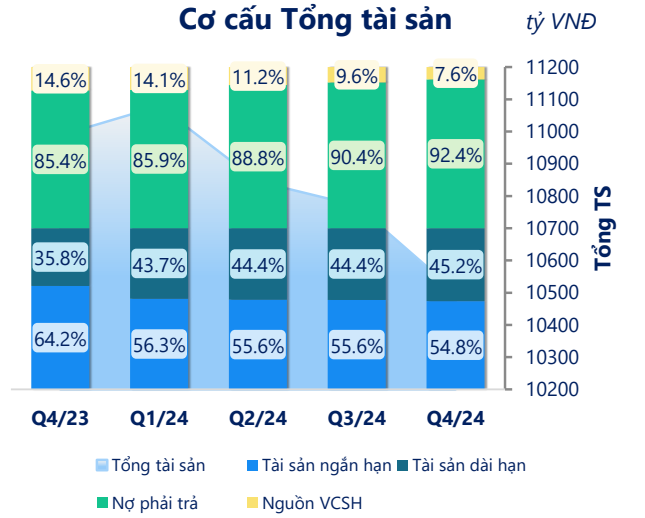

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

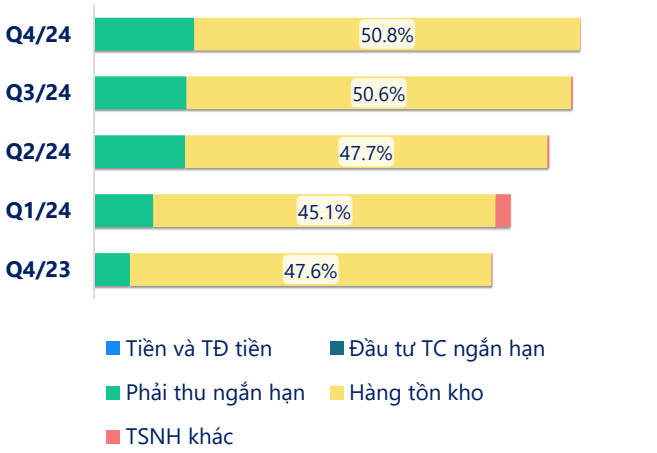

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

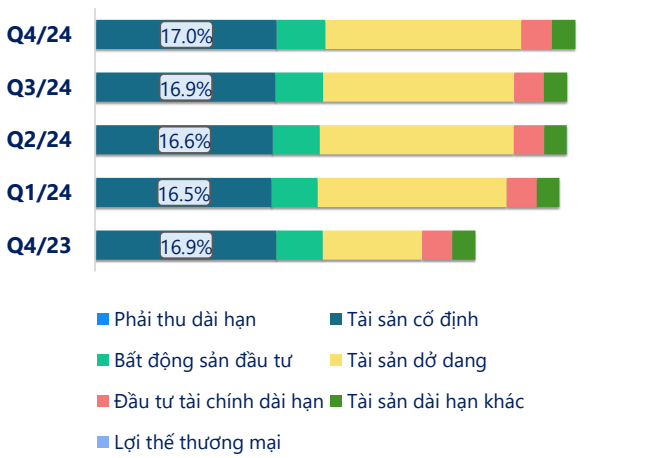

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

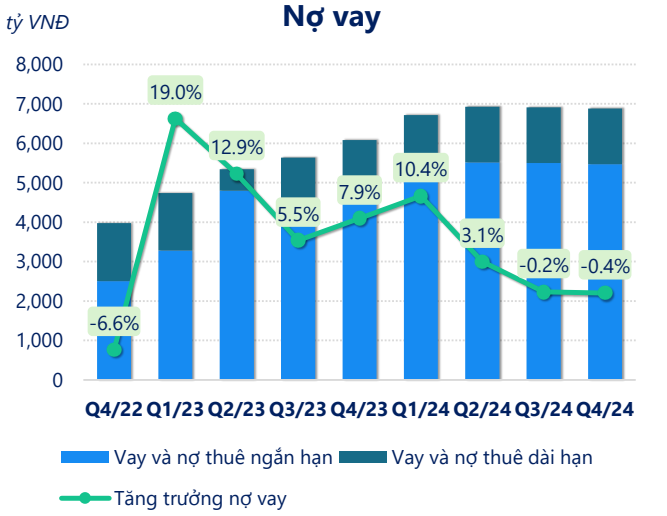

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

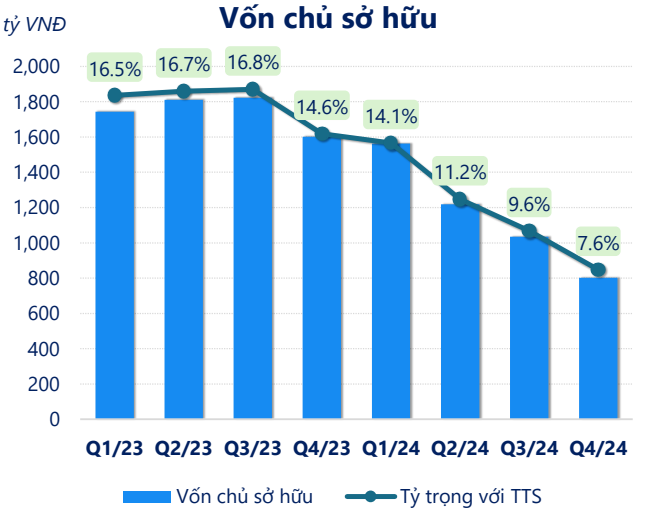

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

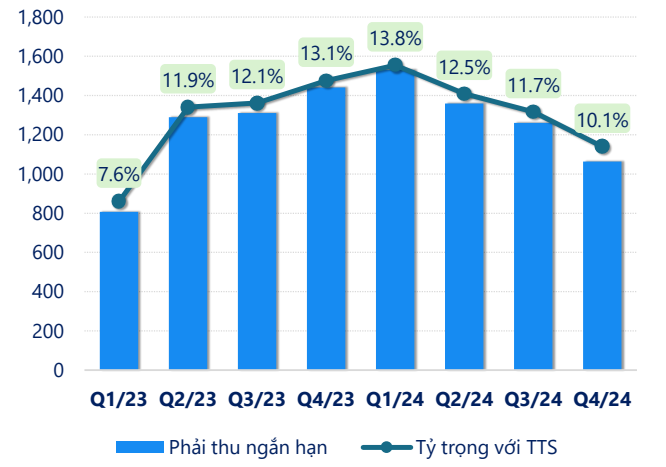

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

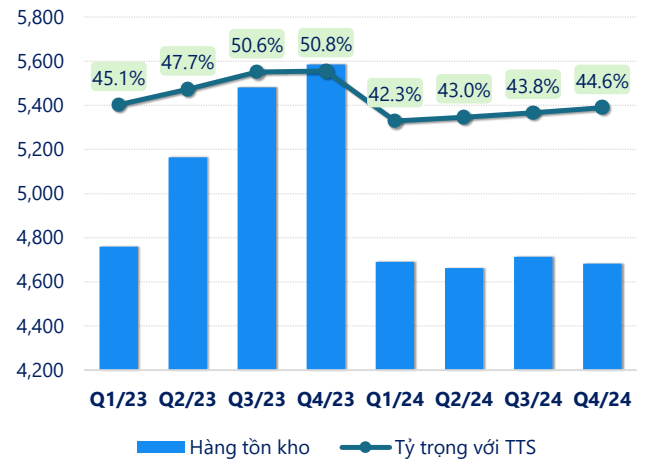

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

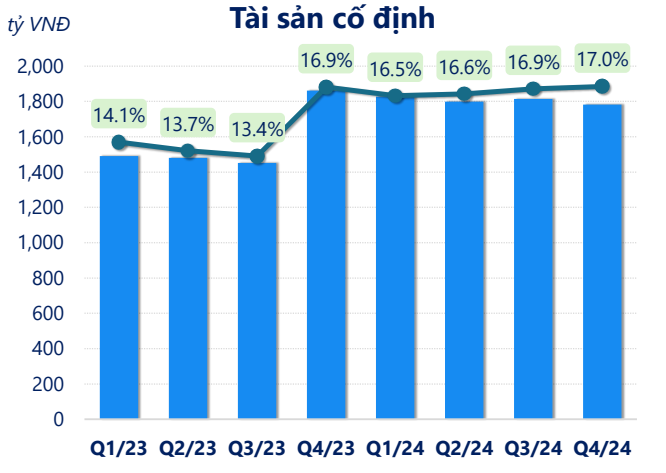

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

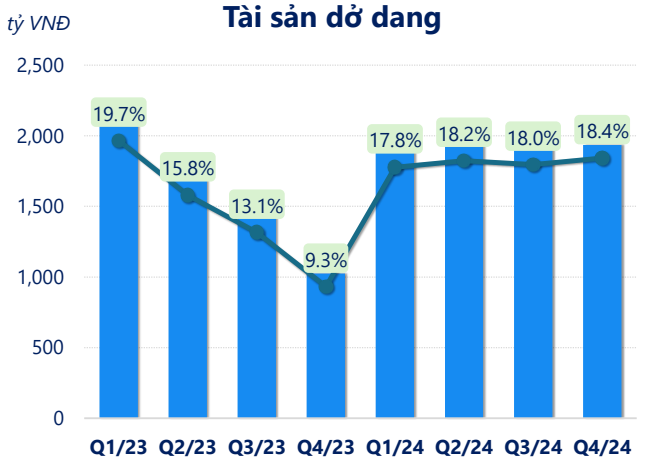

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

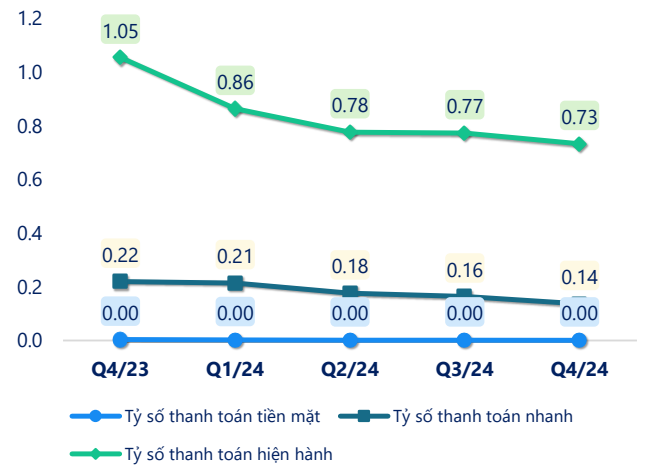

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

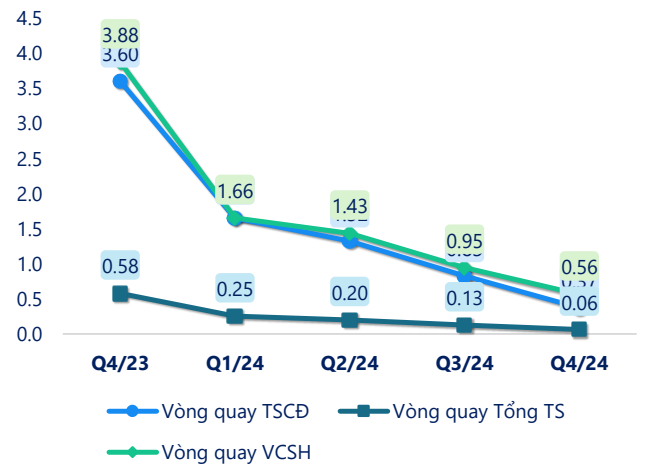

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**10,988**	**11,079**	**10,844**	**10,770**	**10,504**
Tài sản ngắn hạn	**7,054**	**6,238**	**6,028**	**5,986**	**5,755**
Tiền và tương đương tiền	24.2	15.7	5.58	6.04	5.23
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01
Phải thu ngắn hạn	1,442	1,531	1,359	1,260	1,064
Hàng tồn kho	5,585	4,690	4,663	4,713	4,682
Tài sản ngắn hạn khác	2.89	0.99	1.44	6.47	3.65
Tài sản dài hạn	**3,934**	**4,841**	**4,816**	**4,785**	**4,749**
Phải thu dài hạn	12.9	12.8	12.8	13.2	13.3
Tài sản cố định	1,861	1,828	1,799	1,815	1,782
Bất động sản đầu tư	482	482	482	482	482
Tài sản dở dang	1,025	1,969	1,978	1,935	1,935
Đầu tư tài chính dài hạn	313	312	310	303	303
Tài sản dài hạn khác	237	234	232	234	232
Lợi thế thương mại	3.86	3.43	3.00	2.57	2.14
Nợ phải trả	**9,387**	**9,517**	**9,627**	**9,735**	**9,702**
Nợ ngắn hạn	**6,690**	**7,223**	**7,763**	**7,746**	**7,851**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4,672	5,305	5,515	5,497	5,471
Phải trả người bán ngắn hạn	126	50.0	36.9	22.0	53.2
Nợ dài hạn	2,697	2,294	1,863	1,990	1,851
Vay và nợ thuê dài hạn	1,411	1,411	1,411	1,413	1,413
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,601**	**1,562**	**1,218**	**1,035**	**802**
Vốn chủ sở hữu	**1,601**	**1,562**	**1,218**	**1,035**	**802**
Vốn điều lệ	1,262	1,262	1,262	1,262	1,262
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)